

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 34-TC/TNVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 1986

THÔNG TƯ

Hướng dẫn bù giá 6 mặt hàng bán theo định lượng với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của nhà nước cho công nhân, viên chức và hạch toán số tiền bù giá vào giá thành sản phẩm, phí lưu thông.

Thực hiện kết luận của Hội nghị Bộ chính trị (văn bản số 327/TLHN ngày 16/9/1986) và quyết định số 117/HĐBT ngày 4/10/86 của Hội đồng bộ trưởng về những biện pháp cấp bách về giá - lương - tiền; sau khi trao đổi thống nhất với các Bộ Lao động, Nội thương, Lương thực, Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban vật giá Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện bù chênh lệch giá hoặc bù giá vào lương (dưới đây gọi tắt là bù giá) 6 mặt hàng bán theo định lượng với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước và hạch toán số tiền phải bù vào giá thành sản phẩm, phí lưu thông như sau:

A. VỀ BÙ GIÁ

I. ĐỐI TƯỢNG, MẶT HÀNG BÁN THEO ĐỊNH LƯỢNG VỚI GIÁ BÁN LẺ CHỈ ĐẠO ỔN ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC:

1/ Đối tượng được mua hàng theo định lượng với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước bao gồm:

- Công nhân viên chức Nhà nước (kể cả công nhân viên chức đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động và người làm theo hợp đồng được đãi ngộ như người trong biên chế Nhà nước, trừ những người làm hợp đồng theo việc, theo vụ).
- Lực lượng vũ trang.
- Học sinh các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, các Trường dạy nghề.

- Thương binh loại 1 và loại 2, bệnh binh nặng phải nuôi dưỡng các đối tượng chính sách xã hội khác do Nhà nước quy định.

Đối với con công nhân viên chức được mua theo định lượng lương thực và chất đốt (ở nơi từ trước đến nay vẫn có bán) với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước cho 1 con theo chế độ lương hiện hành. Đối với những gia đình có đông người phải nuôi dưỡng, đời sống thực sự khó khăn thì được xét trợ cấp khó khăn theo chế độ hiện hành. Đối với một số địa phương do hoàn cảnh đặc biệt, đến nay vẫn bán lương thực và chất đốt cho những người mà công nhân, viên chức phải nuôi dưỡng theo diện rộng hơn quy định trên thì tạm thời được tiếp tục thực hiện cho đến khi có quyết định mới.

2/ Mặt hàng bán theo định lượng với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước bao gồm: lương thực, thịt lợn (hoặc thay thế bằng thịt bò, thịt trâu, mỡ, trứng, đậu phụ...); nước mắm hoặc nước chấm, đường, chất đốt và xà phòng. Nơi nào đã quy định nhiều hơn 6 mặt hàng kể trên thì điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung Quyết định số 122/HĐBT ngày 4/10/1986 của Hội đồng Bộ trưởng.

Các mặt hàng tiêu dùng khác đều bán theo giá kinh doanh thương nghiệp, Ngân sách Nhà nước (kể cả ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) không bù giá.

3/ Định lượng đối với từng mặt hàng bán theo giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước cho các đối tượng được hưởng nói ở điểm 1, mục I trong Thông tư này được thực hiện theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 122/HĐBT ngày 4/10/1986 của Hội đồng Bộ trưởng, thông tư hướng dẫn của Bộ Nội thương và Bộ Lương thực. Địa phương nào đã quy định mức bán và bù giá cao hơn định lượng theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng thì điều chỉnh lại cho đúng.

Đối với các mặt hàng bán cho lực lượng vũ trang (kể cả một số thực phẩm khô như đậu, lạc, vừng... theo chỉ tiêu kế hoạch được phân phối), thực hiện đúng kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị số 209/CT ngày 22 tháng 8 năm 1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng: phải đảm bảo cung cấp hiện vật

theo đúng định lượng (đủ chỉ tiêu kế hoạch đã được thông báo) với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước quy định cho từng mặt hàng.

II. GIÁ BÁN, GIÁ VỐN VÀ MỨC BÙ GIÁ

1/ Giá bán:

6 mặt hàng bán theo định lượng cho các đối tượng nói trên được bán theo giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước do Hội đồng Bộ trưởng quy định tại Quyết định số 42/HĐBT ngày 15/4/1986 của Hội đồng Bộ trưởng.

Địa phương nào có điều kiện về quỹ hàng hoá và tiền mặt thực hiện bán một giá theo giá kinh doanh thương nghiệp các mặt hàng theo định lượng nói trên, thì phải bảo đảm bán và bù giá vào lương theo đúng định lượng, đúng giá kinh doanh thương nghiệp do Hội đồng Bộ trưởng duyệt theo đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc biệt sau khi có sự thoả thuận của Ủy ban Vật giá Nhà nước và các bộ có Liên quan. Giá kinh doanh thương nghiệp về lương thực và thịt lợn là giá vốn hoặc giá bảo đảm kinh doanh có tích lũy (dưới đây gọi tắt là giá vốn).

2/ Giá vốn:

a) Lương thực: Giá bán lẻ chỉ đạo ổn định ở từng vùng do Hội đồng Bộ trưởng quy định trong Quyết định số 42a/HĐBT ngày 15/4/1986. Giá này được tính toán, bảo đảm đủ bù đắp giá vốn hợp lý trên cơ sở giá mua thóc theo Quyết định số 238/HĐBT ngày 20/9/1985 (thóc mua theo hợp đồng kinh tế, thóc thuế nông nghiệp, thóc thu về dịch vụ sản xuất nông nghiệp dưới hình thức thuỷ lợi phí, công cày máy...), tính đủ tăng số thu mua, chiết khấu bán lẻ, chi phí xay xát và có trừ đi giá trị thu hồi phụ phẩm... nên không phát sinh chênh lệch giá phải bù.

Trường hợp đặc biệt, đối với một số ít địa phương thiếu thương lực, phải đưa một phần lương thực mua theo giá thoả thuận vào cung cấp cho các đối tượng được mua theo định lượng với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước, nếu có phát sinh bù giá thì địa phương phải căn cứ vào kế hoạch cân đối lương thực hàng năm để lập kế hoạch xin bù phần lương thực mua theo giá thoả thuận đưa vào bán định lượng. Bộ Lương thực phải tổng hợp kế hoạch bù lỗ mua thoả thuận đưa vào cân đối cho

cả nước sau khi đã điều hoà cân đối chung và có tờ trình Hội đồng Bộ trưởng nêu rõ lý do phải bù; Bộ Tài chính kiểm tra trước khi cấp phát kinh phí bù giá.

b) Thịt lợn: Giá vốn thịt lợn được tính toán bình quân gia quyền trên cơ sở giá mua từ các nguồn: mua theo hợp đồng có hàng 2 chiều hoặc gia công, mua thoả thuận tại địa phương theo giá và khung giá do Trung ương quy định, mua của cấp I Nội thương giao; cộng với thặng số thu mua, chi phí giết mổ, chiết khấu bán lẻ và trừ giá trị thu hồi phụ phẩm do Bộ Nội thương quy định.

c) Những mặt hàng khác (đường, nước mắm hoặc nước chấm, chất đốt và xà phòng): Giá vốn được tính toán bình quân gia quyền trên cơ sở các nguồn thu mua: cấp I Trung ương điều về nhận tại các xí nghiệp sản xuất chế biến theo giá bán buôn công nghiệp, bán buôn vật tư; mua tại địa phương theo giá và khung giá do Trung ương quy định cộng với chiết khấu bán lẻ theo quy định đối với từng mặt hàng.

3/ Mức bù giá:

Mức bù giá đối với từng mặt hàng là khoản chênh lệch giữa giá kinh doanh thương nghiệp hoặc giá vốn được tính theo hướng dẫn trên so với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước cho các đối tượng được hưởng do Hội đồng Bộ trưởng quy định cho từng địa phương tại Quyết định số 42a/HĐBT ngày 15/4/1986 và theo hướng dẫn cụ thể tại mục B trong thông tư này. Trong trường hợp giá kinh doanh thương nghiệp của 6 mặt hàng nói trên chưa được Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt, trước mắt tạm thời căn cứ vào giá kinh doanh thương nghiệp do Ủy ban Nhân dân địa phương đề nghị, nhưng bù theo giá nào thì phải bán theo giá đó để bảo đảm nguyên tắc bù đủ.

Đối với những địa phương thực hiện bán một giá theo giá kinh doanh thương nghiệp, bù giá vào lương và ở những nơi Nhà nước có chủ trương bù giá bằng tiền (công nhân viên chức trên địa bàn huyện), thì mức bù giá phải đảm bảo cho công nhân viên chức có đủ tiền mua hiện vật theo tiêu chuẩn định lượng đã được quy định trong Quyết định số 122/HĐBT ngày 4/10/1986 của Hội đồng Bộ trưởng và theo giá kinh doanh thương nghiệp bán tại địa phương do cấp có thẩm quyền quy định.

III. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ BÙ GIÁ, BÙ LƯƠNG:

1/ Đối với lực lượng vũ trang: Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, các ngành, các địa phương cũng phải bảo đảm cung cấp bằng hiện vật đủ định lượng, theo đúng chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và theo đúng giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước quy định cho từng mặt hàng; Ngân sách Nhà nước cấp bù cho đơn vị bán hàng.

2/ Đối với công nhân viên chức Nhà nước và các đối tượng chính sách được mua theo định lượng với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước:

a) Trường hợp địa phương thực hiện bán từ 1 đến 6 mặt hàng theo định lượng với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước thì Ngân sách Nhà nước cấp bù (khoản chênh lệch giữa giá kinh doanh thương nghiệp hoặc giá vốn với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước) cho đơn vị bán hàng (Nội thương, Lương thực).

b) Địa phương nào có điều kiện về quỹ hàng hoá và tiền mặt, thực hiện bán một giá từ 1 đến 6 mặt hàng định lượng theo giá kinh doanh thương nghiệp và bù vào lương, thì phải theo định định lượng, đúng giá kinh doanh thương nghiệp do Hội đồng Bộ trưởng duyệt. Mức bù vào lương là khoản chênh lệch giữa giá kinh doanh thương nghiệp hoặc giá vốn với giá bán lẻ chỉ đạo ổn định của Nhà nước. Các cơ quan tài chính địa phương cấp bù trực tiếp cho các đối tượng được hưởng.

3/ Trường hợp phải bù bằng tiền thay hiện vật:

Những trường hợp sau đây có thể bù bằng tiền thay hiện vật:

+ Không bảo đảm đủ 6 mặt hàng theo định lượng và không có mặt khác có giá trị sử dụng tương đương để bán thay thế.

+ Đối với công nhân viên chức trên địa bàn huyện có điều kiện tự tổ chức sản xuất và chăn nuôi hoặc được gia đình cung cấp không phải mua lương thực thực phẩm của Nhà nước thì bù bằng tiền theo Quyết định số 122/HĐBT ngày 4/10/1986 của Hội đồng Bộ trưởng.

Mức bù bằng tiền thay hiện vật được quy định theo nguyên tắc tại điểm 3, mục II trong Thông tư hướng dẫn này.

B. VỀ HẠCH TOÁN BÙ GIÁ VÀO GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ PHÍ LƯU THÔNG.

Kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị về những biện pháp cấp bách giải quyết vấn đề giá - lương - tiền đã nêu rõ: "Đối với khu vực sản xuất - kinh doanh phải chấm dứt